

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG SINH VIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

• Huỳnh Thanh Nhã^(*), Trang Vũ Phương^(*), Nguyễn Thị Ngọc Anh^(*)

Tóm tắt

Đảng ta đã khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội. Vì thế, chính sách tín dụng sinh viên ra đời nhằm hỗ trợ những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về tài chính có điều kiện trang trải chi phí học tập. Do đó nghiên cứu này sử dụng phương pháp thống kê mô tả kết hợp phương pháp chuyên gia để khảo sát ý kiến các nhà khoa học, quản lý vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong năm 2013, nhằm đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế của chương trình tín dụng sinh viên, từ đó đề xuất giải pháp thay đổi cơ chế chính sách và mở rộng vai trò phối hợp của các cơ sở đào tạo, chính quyền địa phương và ngân hàng chính sách xã hội, nhằm nâng cao hiệu quả chương trình tín dụng sinh viên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Tín dụng, sinh viên, chính sách xã hội, Đồng bằng sông Cửu Long.

1. Đặt vấn đề

Chương trình tín dụng học sinh, sinh viên (SV) là một trong những chính sách quan trọng của Nhà nước ta nhằm tạo cơ hội cho SV có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận với giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp và dạy nghề, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của nền giáo dục quốc gia đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Xuất phát từ ý nghĩa đó, ngày 27/9/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với SV thay thế Quyết định số 107/2006/QĐ-TTg theo hướng mở rộng đối tượng cho vay và tạo điều kiện hỗ trợ nhiều hơn để các SV có hoàn cảnh khó khăn có thể theo học tại các trường.

Sự ra đời của chính sách tín dụng SV đã được xã hội đồng thuận và đánh giá là chương trình có tính nhân văn sâu sắc, tính xã hội cao, có ý nghĩa cả về kinh tế, chính trị và xã hội. Giúp cho hàng triệu SV nghèo, có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước giảm bớt gánh nặng chi phí trong học tập, theo đuổi ước mơ tiếp tục đến trường. Đặc biệt, chính sách này đã giúp cho các em SV nghèo vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), có điều kiện tiếp tục học tập để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tạo cơ hội tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, góp phần nuôi sống bản thân, xây dựng gia đình và phát triển quê hương đất nước.

Ngay từ khi chương trình tín dụng SV ra đời, các cơ sở đào tạo, chính quyền địa phương, Ngân

hàng Chính sách xã hội (CSXH) đã tích cực thực hiện việc tuyên truyền cũng như hướng dẫn đầy đủ trình tự, thủ tục thực hiện vay vốn ưu đãi cho SV... tuy nhiên, trong nhiều năm triển khai thực hiện, bên cạnh những mặt tích cực của chương trình, vẫn còn có những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện, như biểu mẫu cho vay chưa thống nhất, xác nhận đối tượng vay chưa phù hợp, chưa kiểm tra được quá trình sử dụng nguồn vốn vay... Vì vậy, cần phải có sự điều chỉnh trong chủ trương, chính sách của Chính phủ, cũng như sự phối hợp giữa các đơn vị triển khai, thực hiện chương trình, để đảm bảo nâng cao hiệu quả chương trình tín dụng SV, đây là vấn đề mang tính cấp thiết hiện nay.

2. Tổng quan và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Có nhiều nghiên cứu cho rằng hiệu quả chương trình tín dụng SV phụ thuộc vào 2 yếu tố:

2.1.1. Yếu tố khách quan

- Chủ trương, chính sách của Chính phủ: trong các nghiên cứu trước đây ít có nghiên cứu nào chỉ ra được mối tương quan giữa chủ trương, chính sách của Chính phủ đối với chương trình tín dụng SV. Tuy nhiên, chủ trương, chính sách của Chính phủ là yếu tố quan trọng nhất để thực hiện tốt chương trình tín dụng SV. Theo Ziderman (2004), chương trình cho vay tín dụng SV là nhằm mục đích chia sẻ chi phí nhiều hơn giữa Chính phủ đối với SV, nhưng có thể do hạn chế bởi vấn đề ngân sách cho vay nên một số đối tượng xin vay lại không được vay; Vốn vay có thể áp dụng theo nguyên tắc “*ai đến trước phục vụ trước*”, nhưng có lẽ tốt hơn là cấp những khoản vay hợp lý và khách quan với tư

^(*) Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ.

tiên dành cho các SV nghèo, với những mức cho vay, số lượng SV được vay, thời gian vay như thế nào cho phù hợp... Vì vậy chương trình tín dụng SV có thực hiện đạt hiệu quả hay không là do những quyết sách, những quy định đúng đắn và sáng suốt của Chính phủ trên cơ sở đảm bảo tính cụ thể và sát đáng cho từng thời điểm, từng vùng miền.

- Môi trường kinh tế: Woo, Jennie H (2002) cho rằng phần lớn những SV không hoàn trả nợ vay là do thu nhập của họ không thể đáp ứng được nghĩa vụ trả nợ, hay các nguy cơ không trả nợ nếu SV tốt nghiệp không có việc làm [8]. Gross (2009) cho rằng: thu nhập mà SV kiếm được càng cao sẽ làm giảm xác suất SV đó không hoàn trả nợ vay cho chương trình tín dụng [7]. Chính vì thế môi trường kinh tế là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tín dụng ưu đãi đối với SV. Nếu môi trường kinh tế thuận lợi, sẽ tạo được sự hỗ trợ rất lớn trong việc thực hiện chương trình tín dụng, như thu hút nguồn vốn lập quỹ cho vay ưu đãi được dễ dàng hơn, SV sẽ yên tâm học tập đạt kết quả cao và là sản phẩm có chất lượng sau khi ra trường, có cơ hội tìm việc làm tốt và khả năng trả nợ cao... Như vậy, sẽ giúp chương trình có vòng quay vốn nhanh, tạo cơ hội cho những SV có hoàn cảnh khó khăn khác được vay và chương trình này thực sự hiệu quả, hoạt động lâu dài.

- Môi trường pháp lý: là nền tảng để mọi hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn. Do vậy, để đảm bảo an toàn cho hoạt động của hệ thống chương trình tín dụng nói chung, thì đòi hỏi môi trường pháp lý phải đồng bộ và hoàn thiện. Đặc biệt đối với hoạt động của Ngân hàng CSXH, do đối tượng khách hàng là SV, nhận thức chung về luật pháp còn ít nhiều hạn chế, điều này tất yếu sẽ tác động tiêu cực tới chất lượng tín dụng. Cho nên, việc tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi chính là tạo tiền đề để nâng cao chất lượng tín dụng. Môi trường pháp lý ở đây không chỉ là hệ thống pháp luật hoàn thiện, mà còn là khả năng nhận thức và ý thức chấp hành luật pháp của người dân, các chế tài phù hợp để có tác dụng răn đe, để làm được điều này đòi hỏi công tác giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cần được chú trọng. Các chương trình cho vay có mục tiêu trợ giúp SV có thể sẽ cần phải được đánh giá bằng các phương pháp điều tra, nhằm có được thông tin về khả năng giảm bớt gánh nặng tài chính và tăng sự cam kết của SV

(Ziderman, 2004) [9].

2.1.2. Yếu tố chủ quan

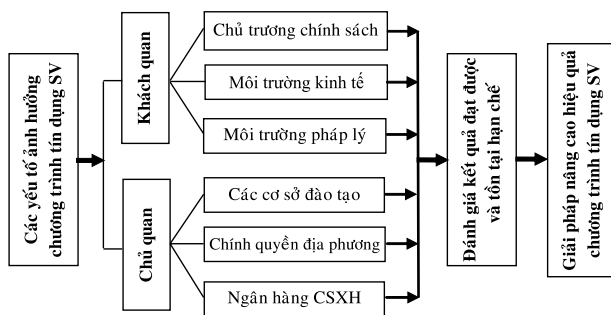
- Việc triển khai từ phía các cơ sở đào tạo: công tác tuyên truyền, phổ biến chương trình là một giải pháp quan trọng để đưa chính sách tín dụng ưu đãi đến với SV có hoàn cảnh khó khăn, đang cần kinh phí để trang trải học tập và sinh hoạt. Đồng thời, việc cấp giấy xác nhận cho SV đúng đối tượng, nhanh chóng, kịp thời cũng giúp cho quá trình hoàn thiện thủ tục vay vốn hiệu quả hơn. Sự quan tâm từ phía các cơ sở đào tạo sẽ giúp cho SV thêm tự tin, phấn khích hơn trong học tập, gắn bó với nhà trường và sẽ giúp cho chương trình tín dụng SV thực hiện đạt hiệu quả cao hơn. Vì mục đích chính của hầu hết các chương trình tín dụng ưu đãi là giúp SV nghèo vượt qua khó khăn để vươn lên trong học tập, vì vậy các cơ sở đào tạo đóng một vai trò tích cực trong quảng bá chương trình, đảm bảo rằng mỗi SV xứng đáng đều có cơ hội vay vốn công bằng cho dù họ học ở đâu (Ziderman, 2004) [9].

- Việc xác nhận từ phía các địa phương: việc xác nhận đúng người, đúng đối tượng hưởng thụ là một mắc xích vô cùng quan trọng trong việc thực hiện cho vay tín dụng ưu đãi đối với SV. Chính quyền địa phương, mà cụ thể là chính quyền xã là đơn vị trực tiếp được giao nhiệm vụ lập danh sách, chứng thực các đối tượng hưởng thụ để đưa lên cho ngân hàng cấp vốn vay. Vì vậy, nếu xác nhận sai đối tượng, sẽ làm giảm hiệu quả, tăng lãng phí nguồn vốn vay mà những đối tượng đáng được hưởng lại không được hưởng, dẫn đến sự mất lòng tin trong dân chúng, ảnh hưởng xấu tới ý nghĩa của chương trình. Ziderman (2004) có nhận định: Việc xác định đối tượng SV nghèo và xét duyệt đơn xin vay vốn có vai trò hữu ích, có thể đưa vào hệ thống phân phối vốn vay theo cơ chế tập trung để mang lại tác động tốt. Do đó, việc xác nhận đối tượng phải được thực hiện thận trọng, minh bạch, rõ ràng, công khai danh sách, kiểm tra chặt chẽ đúng đối tượng trước khi đưa lên ngân hàng, điều đó không những giúp cho công tác cho vay được hiệu quả mà còn góp phần nâng cao niềm tin của người dân đối với chính quyền các cấp.

- Công tác thực hiện cấp tín dụng tại Ngân hàng CSXH: việc cấp vốn vay của ngân hàng thương mại (với mức lãi suất “hợp lý”) thường không sẵn có, vì hầu hết SV hoặc gia đình họ không

thể thế chấp tài sản để vay vốn hoặc không đủ bằng chứng làm cho ngân hàng tin tưởng; Vì vậy chính phủ can thiệp bằng cách cấp vốn vay ban đầu từ ngân sách hiện có hoặc đi vay. Để thực hiện tốt được khâu này, không chỉ chuẩn bị tốt về mặt thủ tục giấy tờ từ cơ sở đào tạo và địa phương mà còn phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ phía ngân hàng. Đó là việc chuẩn bị đủ nguồn vốn vay, thời gian thực hiện cho vay, công tác cho vay từ các chi nhánh của Ngân hàng CSXH. Để đạt được mục tiêu này, Ngân hàng CSXH phải có những chiến lược đúng đắn về bố trí mạng lưới chi nhánh sao cho phù hợp, cũng như thời gian cấp vốn vay và nhân sự cho vay kịp thời. Có như vậy, công tác cho vay mới thực hiện được đồng bộ, nhanh chóng, hiệu quả, tránh được những sai sót, giúp người dân có được nguồn vốn đúng lúc, đáp ứng nhu cầu cho con em đi học (Ziderman, 2004) [9].

2.2. Khung nghiên cứu



Hình 1. Khung nghiên cứu chương trình tín dụng SV

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Từ những phân tích trên cho thấy các yếu tố như chủ trương chính sách, môi trường kinh tế, môi trường pháp lý, cơ sở đào tạo, chính quyền địa phương, Ngân hàng CSXH là những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chương trình tín dụng SV. Vì vậy, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích số liệu cho vay ưu đãi SV vùng ĐBSCL của Ngân hàng CSXH, kết hợp phương pháp chuyên gia để khảo sát, so sánh, phân tích tổng hợp ý kiến các nhà khoa học, nhà quản lý của 39 trường và 78 UBND xã, phường vùng ĐBSCL trong năm 2013, với bảng câu hỏi định tính đánh giá về chủ trương chính sách của Chính phủ, môi trường kinh tế, môi trường pháp

lý, việc triển khai từ phía cơ sở đào tạo, việc xác nhận từ phía địa phương, và việc thực hiện cấp tín dụng tại Ngân hàng CSXH, nhằm rút ra những kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình tín dụng SV vùng ĐBSCL.

3. Đánh giá thực trạng hiệu quả chương trình tín dụng SV vùng ĐBSCL

3.1. Những kết quả tích cực đạt được

3.1.1. Chủ trương chính sách của Chính phủ

Chính sách tín dụng của Chính phủ đối với SV được đánh giá là chính sách ưu việt nhất trong thời gian vừa qua. Chính sách này giúp cho SV có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục thực hiện ước mơ học tập, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để dễ dàng có cơ hội tìm kiếm việc làm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, chính sách này có những đặc điểm tích cực mang tính đặc thù như sau:

Thứ nhất, phương thức cho vay chủ yếu thông qua hộ gia đình (trừ SV mồ côi) nên người vay không phải là người trực tiếp sử dụng vốn vay;

Thứ hai, chương trình tín dụng có tính xã hội hóa rất cao, được nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều tổ chức, cá nhân từ Trung ương đến địa phương ủng hộ, tham gia thực hiện từ việc tổ chức huy động vốn đến việc tổ chức cho vay, thu hồi nợ khi đến hạn;

Thứ ba, không cần phải thực hiện bảo đảm tiền vay, vì cho vay SV là cho vay tiêu dùng để hỗ trợ học tập nên không phải thực hiện bảo đảm tiền vay;

Thứ tư, giải ngân nhiều lần theo từng kỳ học, mức cho vay được Chính phủ điều chỉnh phù hợp với giá cả thị trường, tình hình thực tế và mức học phí;

Thứ năm, lãi suất luôn theo hướng ưu đãi hơn so với một số chương trình khác. Trong thời gian đang theo học tại các trường với một năm khi ra trường SV chưa phải trả nợ, trả lãi tiền vay, trường hợp người vay trả nợ trước hạn sẽ được giảm lãi;

Thứ sáu, đối tượng thụ hưởng chương trình được mở rộng, ngoài SV con em hộ nghèo còn có SV là con em gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật, SV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động, SV mà gia đình gặp

khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú. Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó đối tượng thụ hưởng từ chương trình tín dụng đối với SV theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg được bổ sung thêm đối tượng là bộ đội xuất ngũ và lao động nông thôn có nhu cầu vay vốn để học nghề.

Như vậy, chính sách tín dụng cho SV rất cụ thể đối với quá trình thực hiện cho vay vốn tín dụng; có tác dụng trong phạm vi rộng lớn cả về mặt kinh tế và xã hội; từ thành thị đến nông thôn; từ các bậc phụ huynh đến những SV, nhất là các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn về tài chính.

3.1.2. Môi trường kinh tế

Hàng năm chính phủ đã tạo điều kiện vay vốn

cho những SV chủ yếu thuộc những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập của các hộ chỉ ở mức trung bình hoặc thấp; Nghề nghiệp chính của họ là hoạt động sản xuất nông nghiệp hoặc mua bán nhỏ với nguồn thu nhập bấp bênh, không ổn định. Đồng thời tập trung tạo nguồn vốn huy động cho chương trình tín dụng SV từ rất nhiều nguồn, như: nguồn vốn cân đối từ trung ương, nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, nguồn vốn huy động từ xã hội qua trái phiếu do Ngân hàng CSXH phát hành với sự bảo lãnh của Chính phủ...; Ngân hàng Nhà nước đã tích cực chỉ đạo các tổ chức tín dụng trong việc duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng CSXH, tạo điều kiện bố trí kịp thời các nguồn vốn khác để Ngân hàng CSXH có đủ vốn giải ngân theo kế hoạch, đặc biệt là những thời điểm khó khăn trong huy động vốn.

Bảng 1. Kết quả cho vay HSSV vùng ĐBSCL từ năm 2007 đến 31/12/2012

TT	Chi nhánh	Doanh số cho vay (Triệu đồng)	Doanh số thu nợ (Triệu đồng)	Tổng dư nợ (Triệu đồng)	Trong đó nợ quá hạn (Triệu đồng)	Tỷ lệ nợ quá hạn	Số hộ cho vay còn dư nợ	Số HSSV còn dư nợ
1	An Giang	438.458	52.930	600.488	8.110	1,35%	33.819	38.856
2	Bạc Liêu	447.853	27.112	185.318	4.975	2,68%	10.867	12.568
3	Bến tre	404.744	94.860	316.152	1.206	0,38%	20.497	23.260
4	Cà Mau	334.323	32.549	268.415	7.341	2,73%	16.209	19.300
5	Cần Thơ	545.131	58.885	352.452	1.607	0,46%	20.489	23.829
6	Đồng Tháp	726.410	89.120	561.592	3.586	0,64%	31.532	36.718
7	Hậu Giang	257.931	39.718	283.648	3.161	1,11%	15.587	18.256
8	Kiên Giang	464.660	57.001	527.671	3.108	0,59%	27.726	33.640
9	Long An	761.640	160.007	628.478	1.525	0,24%	33.732	39.775
10	Sóc Trăng	384.560	27.448	392.887	4.650	1,18%	20.997	24.383
11	Tiền Giang	505.264	116.870	636.567	5.542	0,87%	34.552	39.612
12	Trà Vinh	349.901	59.071	246.361	4.406	1,79%	14.749	16.945
13	Vĩnh Long	501.049	61.981	300.958	1.686	0,56%	18.711	21.442
	Tổng cộng	6.121.924	877.552	5.300.987	50.903	0,96%	299.467	348.584

Nguồn: Ngân hàng CSXH Việt Nam năm 2013.

Sau 05 năm cho vay, tính từ ngày 27/9/2007 đến ngày 31/12/2012, các ngân hàng CSXH vùng ĐBSCL đã thực hiện thu hồi các món nợ vay đã đến hạn trả được 877.552 triệu đồng. Đến cuối năm 2012, toàn vùng có 299.467 hộ và 348.584 SV còn dư nợ trong chương trình với số dư nợ là 5.300.987 triệu đồng. Số dư này là do chưa đến kỳ hạn trả, nhưng trong đó cũng có nhiều món nợ đã đến kỳ

hạn hoặc quá hạn trả nhưng đối tượng chưa thực hiện nhiệm vụ trả nợ. Số nợ quá hạn trong tổng dư nợ là 50.903 triệu đồng, chiếm 0,96% tổng dư nợ cuối năm 2012.

Như vậy chương trình tín dụng SV đã đạt được mục tiêu đề ra và mặc dù số dư nợ quá hạn chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng dư nợ của chương trình tín dụng SV, nhưng nó làm ảnh hưởng không

nhỏ đến tổng nguồn vốn ngân sách, làm ảnh hưởng đến vòng quay vốn cho những SV có hoàn cảnh khó khăn khác đang có nhu cầu vay vốn ưu đãi.

3.1.3. Môi trường pháp lý

Mọi hoạt động kinh doanh, trong đó hoạt động của ngân hàng đều phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật và hệ thống các văn bản pháp luật khác của nhà nước; tuân thủ theo các quy định mà Ngân hàng Nhà nước ban hành cụ thể trong từng thời kỳ về lãi suất, dự trữ, hạn mức cho vay... Đặc biệt đối với hoạt động của Ngân hàng CSXH, do đối tượng khách hàng là SV, nhận thức chung về luật pháp còn ít nhiều hạn chế, điều này tất yếu sẽ tác động tiêu cực tới chất lượng tín dụng của ngân hàng. Cho nên, việc tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi chính là tạo tiền đề để nâng cao chất lượng tín dụng.

Hiện nay, Ngân hàng CSXH thực hiện xử lý rủi ro tín dụng SV do nguyên nhân khách quan theo quy chế xử lý nợ bị rủi ro được điều chỉnh bởi Quyết định 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ với các biện pháp xử lý nợ cho vay SV bị rủi ro tích cực hơn, bao gồm:

- Gia hạn nợ: cho phép khách hàng được kéo dài thời hạn trả nợ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Đến thời điểm trả nợ cuối cùng, nếu người vay có khó khăn khách quan chưa trả được nợ thì được Ngân hàng CSXH xem xét cho gia hạn nợ. Ngân hàng có thể gia hạn nợ một hoặc nhiều lần cho một khoản vay, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ. Trong thời gian gia hạn nợ, khách hàng vẫn phải trả lãi tiền vay.

- Chuyển nợ quá hạn: trường hợp người vay không trả nợ đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và không được Ngân hàng CSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

- Khoanh nợ: Ngân hàng CSXH chưa thu nợ của khách hàng và không tính lãi tiền vay phát sinh trong thời gian được khoanh nợ. Tùy theo từng trường hợp cụ thể được quy định trong quy chế xử lý nợ bị rủi ro mà thời gian khách hàng được khoanh nợ tối đa có thể là 3 năm hoặc 5 năm.

- Xóa nợ (gốc/lãi): Ngân hàng CSXH không thu một phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi của khách hàng đang còn dư nợ. Số tiền xóa nợ cho khách hàng bằng số tiền khách hàng còn phải trả cho ngân hàng, sau khi ngân hàng đã áp dụng các biện pháp tận thu.

3.1.4. Việc triển khai từ phía cơ sở đào tạo

Chính sách cho vay ưu đãi tín dụng đối với SV của Chính phủ là chính sách xã hội mang tính ưu việt cao, nhằm khuyến khích những SV vùng sâu, vùng xa, những SV thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách, SV khó khăn không đủ điều kiện để đi học có thể đến trường, góp phần nâng cao lực lượng lao động tri thức và công nhân có tay nghề cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Do đó, công tác tuyên truyền, phổ biến tại cơ sở đào tạo là những bước đầu tiên giúp SV hiểu được và tiếp cận chương trình tín dụng SV. Qua khảo sát 39 trường từ trung cấp đến đại học vùng ĐBSCL cho thấy có 97,4% các trường đều nắm rõ nội dung và tuyên truyền đầy đủ chương trình tín dụng SV, có 92,3% SV có nhu cầu được nhà trường cấp giấy xác nhận xin vay vốn và 100% SV vay vốn ưu đãi đã thực hiện ký cam kết trả nợ cả gốc lẫn lãi đến khi đáo hạn sau khi ra trường có việc làm.

3.1.5. Việc xác nhận từ phía địa phương

Việc xác nhận đúng người, đúng đối tượng hưởng thụ là một mắt xích vô cùng quan trọng trong việc thực hiện cho vay ưu đãi đối với SV. UBND xã, phường là đơn vị trực tiếp được giao nhiệm vụ lập danh sách, chứng thực các đối tượng hưởng thụ để đưa lên cho ngân hàng cấp vốn vay và phối hợp thực hiện cho vay vốn.

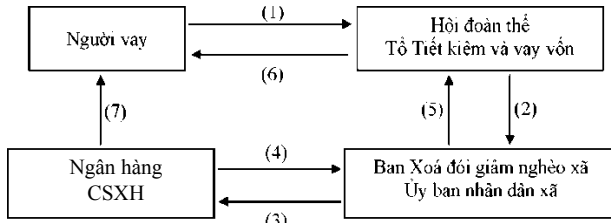
Đa phần UBND xã, phường đã thành lập các Tổ tiết kiệm và vay vốn, kết hợp với các tổ chức đoàn thể, hội địa phương để tuyên truyền, hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn có nhu cầu vay vốn ưu đãi SV. Đồng thời, hướng dẫn lập thủ tục vay trình ban xóa đói giảm nghèo xã phường phê duyệt, kết hợp theo dõi, kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay và đơn đốc trả nợ đúng thời hạn.

3.1.6. Công tác thực hiện cấp tín dụng tại Ngân hàng CSXH

Theo quy định trong năm đầu tiên, các SV có khó khăn chỉ phải mang giấy xác nhận học tập của trường đến chính quyền cấp xã nơi gia đình cư trú để được xem xét, đề xuất vay vốn. Ngân hàng CSXH thẩm tra và giải ngân trực tiếp cho gia đình HSSV ở địa phương, sau đó gia đình chuyển tiền cho con em học tập tại trường, nếu chuyển qua Ngân hàng CSXH thì không phải trả phí chuyển tiền.

Để giúp SV tiếp cận được nguồn vốn vay ưu

đãi, Tổng Giám đốc Ngân hàng CSXH ban hành Hướng dẫn số 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 về việc thực hiện cho vay đối với SV. Quy trình cho vay của Ngân hàng CSXH được triển khai chặt chẽ như sau:



Hình 2. Quy trình cho vay của Ngân hàng CSXH

3.2. Những tồn tại hạn chế trong triển khai chương trình tín dụng SV

3.2.1. Về chủ trương chính sách

Mỗi địa phương có mức chi tiêu cho sinh hoạt khác nhau; từng loại hình đào tạo có thời hạn đào tạo khác nhau; giữa cơ sở công lập và cơ sở dân lập có mức học phí khác nhau. Nhưng mức tiền cho vay tối đa chung hiện tại là 1.100.000 đồng/tháng. Vì thế, không tránh khỏi tình trạng ở địa phương này thì đáp ứng đủ nhu cầu chi tiêu, trong khi ở địa phương khác chỉ có thể đáp ứng được một phần thiết yếu. Quy định mức tiền cho vay tối đa cũng cần được điều chỉnh kịp thời hơn với tình hình thực tế, vì trong từng giai đoạn luôn có sự biến động về giá cả, thậm chí cả sự thay đổi về mức thu học phí.

Mặt khác, chế tài xử lý vi phạm chưa quy định cụ thể và rõ ràng cho từng loại vi phạm, vì thế tính ràng buộc về trách nhiệm pháp lý đối với những chủ thể liên quan chưa được nêu cao, dẫn đến việc vẫn còn có tình trạng xác nhận sai đối tượng được vay vốn ở địa phương.

3.2.2. Về môi trường kinh tế

Lan (2011) cho rằng phần lớn các SV vay vốn ra trường đều gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm việc làm, hoặc chấp nhận làm việc trái với ngành nghề đào tạo nên có thu nhập thấp, dẫn đến các em khó có điều kiện trả nợ. Các gia đình hầu hết có hoàn cảnh quá khó khăn nên cũng không thể hoàn trả được khoản vay cho con dù đã quá thời gian gia hạn. Bên cạnh đó, Ngân hàng CSXH cũng đã thực hiện thu nợ đối với các món nợ tới hạn đã vay trong chương trình. Những món nợ đến hạn trả đầu tiên thường là những SV ở trình độ trung cấp và cao đẳng, do thời gian đào tạo ngắn nên thời gian

thu nợ đến sớm hơn những SV đại học. Vì vậy khả năng trả nợ vay đúng hạn của SV trong chương trình còn hạn chế, làm cho dòng vốn được xoay vòng để những thế hệ tiếp theo được vay vốn trang trải việc học tiếp tục gặp khó khăn.

3.2.3. Về môi trường pháp lý

Cần có cơ chế xử lý vi phạm chặt chẽ, vì hiện nay chưa có một quy định cụ thể hay trách nhiệm nào về mặt pháp lý để ràng buộc người vay vốn là SV và gia đình thực hiện trả nợ. Chế tài xử lý những trường hợp không trả nợ hiện nay chỉ một quy chế rất chung, là người vay có khả năng trả nợ nhưng không trả thì chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật xử lý thu hồi theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, khi nhận tiền vay từ ngân hàng, không ai kiểm soát và cũng không bắt kê khai các khoản chi theo đúng mục đích sử dụng. Vì số tiền được vay theo mỗi kỳ học nên không kiểm tra được việc gia đình cho con em khi nào và sử dụng ra sao, tuy nhiên xét cho cùng vẫn là mục đích cho con em đi học, nhưng khoản tiền được vay từ ngân hàng về thì không được sử dụng ngay vào mục đích đó. Về nguyên tắc, thì như vậy là sử dụng vốn vay sai mục đích, nếu về tính nhân đạo thì ai cũng hiểu và đồng tình, nhưng cần có quy định xử phạt về sử dụng nguồn vốn vay không đúng mục đích, có như vậy mới phát huy hết ý nghĩa và đảm bảo sự bền vững của chương trình.

3.2.4. Hạn chế từ phía các cơ sở đào tạo

Việc phối hợp giữa nhà trường với chi nhánh Ngân hàng CSXH và chính quyền địa phương liên quan trong việc triển khai thực hiện chính sách tín dụng SV còn hạn chế. Một số địa phương chưa nắm rõ nội dung, quy trình, chưa cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết, chưa giải quyết những thắc mắc về điều kiện vay vốn, nên SV gặp khó khăn trong làm thủ tục vay, còn nhiều trường hợp SV phải quay đi quay lại nhà trường xác nhận nhiều lần.

Mặt khác, do thủ tục cấp vốn vay được thực hiện tại địa phương, nên những SV đã làm đơn và được nhà trường xác nhận, nhưng khi về địa phương lại không làm thủ tục vay dẫn đến nhà trường không nắm chính xác số lượng được giải ngân. Nhìn chung, các cơ sở đào tạo chỉ nắm được số lượng SV xin giấy xác nhận vay vốn, còn số vay thực tế thì không nắm được đầy đủ, do không có sự phản hồi thông tin từ Ngân hàng CSXH.

Bên cạnh đó, thời gian giải ngân của ngân hàng theo quy định là 2 lần theo 2 kỳ học trên 1 năm, thời gian giải ngân ở các địa phương là khác nhau, nên việc xin giấy xác nhận tại trường của SV là rải rác, không tập trung. Tuy nhiên, vào đầu mỗi kỳ học, số lượng SV ồ ạt lên xin giấy xác nhận gây quá tải đối với nhà trường, trong đó có nhiều SV không thuộc đối tượng được thụ hưởng vay nhưng vẫn lên xin giấy xác nhận vay vốn.

3.2.5. Hạn chế từ phía địa phương

Vẫn còn một vài địa phương không sẵn sàng xác nhận hoàn cảnh khó khăn cho gia đình SV, không kịp thời đưa gia đình có hoàn cảnh khó khăn vào diện hộ nghèo để được vay vốn học tập. Một số nơi thực hiện sai việc xác nhận, lập danh sách chưa đúng các hộ gia đình thuộc đối tượng được vay vốn tín dụng; Một số tổ tiết kiệm và vay vốn, tổ chức hội, đoàn thể còn chưa nắm đầy đủ ý nghĩa chương trình nên chưa tuyên truyền sâu rộng đến các hộ gia đình; Quy trình bình xét cho vay chưa chặt chẽ, thủ tục đôi khi còn rườm rà. Việc kiểm tra của UBND xã còn chưa sát sao trong việc tổ chức thực hiện; đội ngũ cán bộ hội ở một số địa phương chưa năng động, nhiệt tình trong công tác quản lý và đôn đốc thu hồi nợ. Công tác kiểm tra giám sát việc quản lý vốn vay đối với tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn thiếu thường xuyên, còn mang tính hình thức, vẫn còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào cán bộ Ngân hàng CSXH.

3.2.6. Hạn chế từ phía Ngân hàng CSXH

Để chương trình tín dụng SV có thể phát huy hiệu quả trong một thời gian dài, giúp đỡ được nhiều đối tượng SV có hoàn cảnh khó khăn trên một phạm vi rộng, thì đòi hỏi trước hết phải có một nguồn vốn dồi dào. Nhưng Chính phủ cũng chưa tìm được một cơ chế tạo lập và huy động vốn phù hợp với đặc thù của chương trình tín dụng SV, làm hiệu quả chương trình còn nhiều hạn chế. Vì SV sau khi học xong ra trường mới phải trả nợ nên việc tìm vốn huy động bổ sung để tiếp tục chương trình vẫn là một bài toán khó đặt ra, đang tìm lời giải đáp.

Mặt khác, việc huy động vốn của Ngân hàng CSXH đang gặp khó khăn, nguồn vốn thực hiện cho chương trình còn bị động, mặc dù Chính phủ rất quan tâm trong việc bố trí các nguồn vốn từ ngân sách, bảo lãnh cho Ngân hàng CSXH phát hành trái phiếu huy động vốn, nhưng vẫn không đáp ứng kịp

thời nhu cầu cho việc giải ngân mang tính thời vụ cao, thời gian ngắn (thường vào đầu kỳ học). Bên cạnh đó, Ngân hàng CSXH cho vay thông qua hộ gia đình xác nhận ở địa phương và từng gia đình chu cấp cho con em họ khác nhau, nên khó nắm bắt được việc sử dụng tiền vay có đúng mục đích hay không vì thiếu thông tin từ phía nhà trường và địa phương.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình tín dụng SV vùng ĐBSCL

Để nâng cao hiệu quả chương trình tín dụng SV, cần thực hiện đồng bộ 4 giải pháp cơ bản sau:

Về cơ chế chính sách vay vốn ưu đãi SV: Cần xây dựng mức tiền vay phù hợp với đặc điểm khác nhau của từng vùng miền, khu vực, trên cơ sở căn cứ vào giá cả sinh hoạt của nơi đặt các trường đại học, cao đẳng, trung cấp... Theo đó, mức cho vay nên chia theo 3 khu vực có sự phân biệt giữa các đô thị lớn, khu vực đồng bằng và các tỉnh miền núi để đảm bảo cho SV có đủ tiền đóng học phí và sinh hoạt phí phù hợp với điều kiện từng vùng, miền của đất nước; Xem xét mở rộng đối tượng cho vay: Có thể xem xét mở rộng đối tượng cho vay đối với những hộ gia đình đông con, hiếu học không thuộc diện nghèo được vay vốn, nhưng hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Điều này vừa là hỗ trợ, vừa là khuyến khích tinh thần hiếu học của con em họ, giúp cho con em họ có cơ hội học tập để có một tương lai tốt đẹp hơn;

Từ phía các cơ sở đào tạo: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến với từng đối tượng SV. Kết hợp với Ngân hàng CSXH phát những tờ thông điệp về chương trình cho vay vốn SV tới từng SV và yêu cầu các em đưa về tuyên truyền với gia đình. Để thật sự hiệu quả có thể xin ý kiến đóng góp và ký nhận của gia đình, sau đó ban cán sự lớp thu lại và nộp theo danh sách lớp cho cán bộ phụ trách. Phân công giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập kết hợp với ban cán sự lớp theo dõi tình hình các em SV có xin giấy xác nhận vay vốn và sau đó phải phản hồi cho nhà trường về việc các em về địa phương có được vay vốn hay không.

Từ phía địa phương: Nên nhất quán giữa quá trình truyền tải thông tin từ Ngân hàng Nhà nước Ngân hàng CSXH UBND cấp trực thuộc Tổ Tiết kiệm & Vay vốn SV và hộ gia đình, tránh tình trạng người này biết mà người kia không biết. Nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm cho

cán bộ tín dụng Ngân hàng CSXH, UBND cấp trực thuộc và thành viên Tổ Tiết kiệm & Vay vốn thuộc chương trình vay vốn SV, giúp họ nắm bắt và hiểu rõ nội dung, chương trình vay vốn SV một cách cụ thể rõ ràng.

- **Từ phía Ngân hàng CSXH:** Tạo lập một quỹ cho vay quay vòng thông qua việc huy động tiền nhàn rỗi của Kho bạc nhà nước, qua phát hành trái phiếu Chính phủ, các nguồn huy động của Ngân hàng CSXH, sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nhằm huy động và tập hợp sự đóng góp của toàn xã hội, từ đó giúp tạo lập một nguồn vốn ổn định, lâu dài cho chương trình. Ngân hàng CSXH cần thường xuyên phối hợp chặt chẽ và cung cấp số liệu SV đã vay vốn để các cơ sở đào tạo biết, kiểm tra, giám sát việc SV sử dụng vốn vay có đúng mục đích hay không, từ đó có thể phát hiện kịp thời các trường hợp sai phạm, cũng như sử dụng vốn vay sai mục đích.

5. Kết luận

Chương trình tín dụng SV là một chương trình

có ý nghĩa nhân văn, nhận được sự đồng thuận cao của xã hội, trong đó phần lớn SV đều hài lòng với quy trình, thủ tục cũng như đồng tình với phương thức, điều kiện cho vay. Bên cạnh những mặt tích cực trên, trong quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại những hạn chế, khó khăn cần xem xét, xử lý. Việc các yếu tố chủ trương chính sách, môi trường kinh tế, môi trường pháp lý chỉ có tác động gián tiếp đến quyết định vay vốn học tập của SV, còn các yếu tố vai trò của cơ sở đào tạo, việc xác nhận từ phía địa phương, công tác thẩm tra và cấp tín dụng từ Ngân hàng CSXH có tác động trực tiếp đến quyết định vay vốn học tập của SV. Vì vậy để nâng cao hiệu quả chương trình tín dụng SV rất cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo, chính quyền địa phương và Ngân hàng CSXH thì mới bảo đảm thực hiện trọn vẹn chủ trương chính sách của Chính phủ trong việc hỗ trợ SV nghèo vượt khó học tập, góp phần phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Chính phủ (2007), *Thực hiện chế độ cho vay ưu đãi để học đại học, cao đẳng và dạy nghề*, Chỉ thị số 21/2007/CT-TTg ngày 04/9/2007.
- [2]. Chính phủ (2007), *Tín dụng đối với HSSV*, Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007.
- [3]. Chính phủ (2010), *Quy chế xử lý nợ bị rủi ro*, Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010.
- [4]. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (2007), *Hướng dẫn cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn*, Công văn số 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007.
- [5]. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (2013), *Báo cáo Tổng kết 10 năm hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam*, Báo cáo số 25/BC-NHCS ngày 25/04/2013.
- [6]. Võ Thị Phương Lan (2011), “Những tồn tại trong tín dụng ưu đãi của nhà nước đối với HSSV và một số kiến nghị”, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán*, (số 4), tr. 8-11.
- [7]. Gross, J. P. K., Cekic, O., Hossler, D., Hillman N (2009), “What Matters in Student Loan Default: A Review of the Research Literature”, *Journal of Student Financial Aid*, 39 (1), p. 19-29.
- [8]. Woo, Jennie H (2002), “Factors Affecting the Probability of Default: Student Loans in California”, *Journal of Student Financial Aid* 32 (2), p. 5-25
- [9]. Ziderman, A (2004), “Policy options for student loan schemes: lessons from five Asian case studies”, *Policy Research and Dialogue, Student Loans Schemes in Asia*, 1 (6).

SOLUTIONS TO INCREASE EFFICIENCY OF STUDENT CREDIT PROGRAM IN THE MEKONG DELTA

Summary

Our Communist Party has identified that education and training is the top national policy, and motivation determining economic and social development. For this reason, student credit policy is created to support students with financial difficulties, affording their study expenses. This study used descriptive statistics and expert interview surveying scientists, managers in the Mekong Delta in 2013, in order to evaluate the related program achievements as well as its shortcomings. Thereby, solutions are proposed to change the mechanism and expand the coordinative role of training institutions, local government and social policy banks, as such for increasing the program efficiency in the Mekong delta.

Keywords: Credit, students, social policy, the Mekong Delta.

Ngày nhận bài: 27/5/2016; Ngày nhận lại: 29/7/2016; Ngày duyệt đăng: 30/8/2016.